

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP
về phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về phát triển công dân số;

Căn cứ Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang về triển khai cấp chứng thư số công cộng qua ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026;

UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP về phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các quan điểm, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP; cụ thể hóa trách nhiệm của địa phương, nhất là nhiệm vụ tại khoản 15 Điều 9; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương về phát triển công dân số, lấy người dân làm trung tâm, chủ thể, nguồn lực, mục tiêu và động lực của chuyển đổi số.

- Hình thành môi trường số an toàn, thuận tiện để người dân tiếp cận, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số thiết yếu; từng bước hình thành thói quen sống, làm việc, học tập, giao dịch trên môi trường số; hỗ trợ người dân khai thác hiệu quả tài khoản định danh điện tử, ứng dụng VNeID, chữ ký số công cộng và dịch vụ công trực tuyến.

- Phát huy hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hạ tầng số; tăng cường kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ số; giảm giấy tờ, thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng và các lực lượng tại cơ sở trong trực tiếp hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích của công dân số; chủ động rà soát, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính theo hướng tích hợp phương thức sử dụng chữ ký số công cộng trên ứng dụng định danh quốc gia để ký số trên biểu mẫu, tờ khai.

2. Yêu cầu

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; không làm phát sinh nghĩa vụ hoặc hạn chế quyền ngoài phạm vi luật định; bảo đảm quyền lựa chọn phương thức tiếp cận, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công của người dân theo quy định.

- Triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh; gắn với các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số, Đề án 06, cải cách hành chính, phát triển dữ liệu và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tận dụng hạ tầng, hệ thống và nguồn lực hiện có, tránh đầu tư trùng lặp.

- Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; hệ thống, nền tảng, dịch vụ số phải ổn định, thông suốt, dễ sử dụng.

- Áp dụng chính sách khi thực hiện các thủ tục hành chính và các lợi ích khác để tạo động lực cho công dân tích cực tham gia vào môi trường số, lấy người dân làm trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, mục tiêu, động lực chính của quá trình phát triển công dân số.

- Phân công rõ trách nhiệm, đầu mối, tiến độ và kết quả đầu ra; đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Kết quả rà soát, tái cấu trúc thủ tục hành chính phải được tổng hợp, báo cáo đúng thời hạn để UBND tỉnh gửi Bộ Công an tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

II. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG

1. Mục tiêu chung

Phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh An Giang theo hướng toàn diện, bao trùm, an toàn và bền vững; bảo đảm người dân đủ điều kiện có danh tính số, có khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số thiết yếu, từng bước hình thành kỹ năng số, văn hóa số; đồng thời nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đẩy mạnh tái sử dụng dữ liệu và tích hợp chữ ký số công cộng trên ứng dụng VNeID trong giải quyết thủ tục hành chính, góp phần xây dựng chính quyền số, xã hội số và kinh tế số.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu 100% công dân đủ điều kiện được cấp tài khoản định danh điện tử theo quy định; khuyến khích sử dụng thường xuyên trong giao dịch với cơ quan nhà nước và các dịch vụ thiết yếu.

- Phấn đấu trên 95% người dân trưởng thành có kỹ năng số cơ bản để khai thác, sử dụng nền tảng số phục vụ học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh và tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

- Phấn đấu trên 90% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện được người dân thực hiện trực tuyến toàn trình hoặc một phần thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính hoặc hệ thống chuyên ngành theo quy định.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính được bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng số và kỹ năng hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số.

- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng được cung cấp tài liệu, hướng dẫn hoặc tập huấn để trực tiếp hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích của công dân số.

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của địa phương được rà soát về thành phần biểu mẫu, tờ khai và khả năng tích hợp phương thức sử dụng chữ ký số công cộng trên ứng dụng định danh quốc gia; các thủ tục đủ điều kiện được đề xuất tái cấu trúc, cấu hình, tích hợp và kiểm thử.

- Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; ưu tiên hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người có kỹ năng số hạn chế, người dân tại khu vực biên giới, hải đảo và địa bàn còn khó khăn trong tiếp cận công nghệ.

3. Chỉ tiêu chủ yếu

- 100% sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường, đặc khu triển khai các nhiệm vụ phát triển công dân số theo Kế hoạch này và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

- 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, chữ ký số công cộng và các nền tảng số dùng chung.

- Hằng năm, mỗi địa phương tổ chức tối thiểu 02 đợt tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn kỹ năng số cho người dân, phù hợp điều kiện thực tế.

- Phân đầu hằng năm tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và các tiện ích số tiếp tục tăng so với năm trước; tỷ lệ hài lòng của người dân đối với việc cung cấp dịch vụ số của cơ quan nhà nước đạt từ 90% trở lên.

- Kết quả triển khai, rà soát và tái cấu trúc thủ tục hành chính được theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công an theo yêu cầu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

a) Tuyên truyền, hướng dẫn công dân hoàn thành việc tích hợp các loại thông tin, giấy tờ cơ bản trên ứng dụng VNeID theo Phụ lục I và thực hiện các thủ tục hành chính đáp ứng điều kiện quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.

b) Tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết đến cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp và Nhân dân; tập trung vào quyền, trách nhiệm của công dân số; lợi ích của tài khoản định danh điện tử; chính sách ưu đãi đối với công dân số; bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn trên môi trường số.

c) Đổi mới hình thức tuyên truyền theo hướng đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng; tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại

chúng, công thông tin điện tử, mạng xã hội, các hội nghị, các buổi sinh hoạt cộng đồng. Đặc biệt chú trọng khu vực biên giới, hải đảo, địa bàn còn hạn chế về kỹ năng số nhằm nâng cao nhận thức về lợi ích của công dân số và chuyển đổi số. Phát huy vai trò của lực lượng tại cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa và Thể thao; Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND xã, phường, đặc khu.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Nâng cao nhận thức về công dân số, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng

a) Đẩy mạnh hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2; tích hợp giấy tờ, thông tin thiết yếu trên VNeID; khuyến khích sử dụng VNeID trong thực hiện thủ tục hành chính, thanh toán điện tử, ký số và các dịch vụ số.

b) củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; phân công thành viên trực tiếp hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, chữ ký số công cộng, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và nền tảng số thiết yếu; thiết lập cơ chế phối hợp với Công an cấp xã, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ và doanh nghiệp viễn thông.

c) Tổ chức hỗ trợ trực tiếp theo nhu cầu thực tế, ưu tiên nhóm yếu thế, người cao tuổi, người khuyết tật, người hạn chế kỹ năng số, người dân tại khu vực biên giới, hải đảo; kịp thời biểu dương, nhân rộng mô hình, cách làm hiệu quả.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3. Hoàn thiện hạ tầng số và dữ liệu số

a) Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm đường truyền ổn định đến cấp xã; mở rộng vùng phủ sóng Internet, 4G, 5G tại các khu vực còn khó khăn. Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, đất đai, bảo hiểm, y tế, giáo dục và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác nhằm giảm giấy tờ, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

b) Nâng cao tỷ lệ cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; giảm việc yêu cầu người dân xuất trình giấy tờ khi dữ liệu đã được xác thực trên hệ thống.

c) Hoàn thiện hạ tầng số, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ

liệu chuyên ngành; bảo đảm dữ liệu chính xác, đồng bộ, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ số.

d) Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số, kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm mỗi cá nhân là một hạt nhân thúc đẩy chuyển đổi số tại cơ sở.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ;
- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND xã, phường, đặc khu.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên

4. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; rà soát, tái cấu trúc thủ tục hành chính

a) Các sở, ban, ngành và UBND xã, phường, đặc khu rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết; thủ tục hành chính do tỉnh quy định, xác định thủ tục có biểu mẫu, tờ khai do người dân ký; thủ tục đã cung cấp trực tuyến; khả năng sử dụng dữ liệu số thay thế giấy tờ và khả năng tích hợp chữ ký số công cộng trên VNeID.

b) Phân loại thủ tục hành chính thành các nhóm: đủ điều kiện triển khai ngay; cần điều chỉnh quy trình điện tử hoặc biểu mẫu; cần hướng dẫn, sửa đổi quy định chuyên ngành hoặc hỗ trợ kỹ thuật từ bộ, ngành Trung ương. Ưu tiên thủ tục có tần suất giao dịch cao, thủ tục hành chính do tỉnh quy định và các thủ tục thuộc Phụ lục II, Phụ lục III của Nghị quyết.

c) Tái cấu trúc quy trình theo hướng số hóa toàn diện, tái sử dụng dữ liệu, giảm thành phần hồ sơ, giảm thao tác và số lần đi lại; xác định rõ vị trí ký số, biểu mẫu/tờ khai cần ký, dữ liệu tự động điền, phương thức xác thực và trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của chữ ký số.

d) Tổ chức cấu hình, tích hợp, kiểm thử kỹ thuật và nghiệp vụ; cập nhật, công bố quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính; chỉ đưa vào vận hành chính thức sau khi bảo đảm ổn định, an toàn và thuận tiện.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh và UBND xã, phường, đặc khu.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Rà soát ban đầu trong năm 2026; cập nhật, hoàn thiện thường xuyên theo hướng dẫn của Trung ương và yêu cầu thực tế.

5. Nâng cao năng lực số của cán bộ và người dân

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao kỹ năng sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm quản lý và nền tảng số. Đối với người dân, tổ chức các lớp hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh, thanh toán điện tử, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt ưu tiên

người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, người yếu thế và các hộ nghèo. Huy động các doanh nghiệp công nghệ và các học viện, nhà trường đào tạo công nghệ liên quan đồng hành cùng Công an tỉnh, Công an cấp xã trong nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai đổi mới mô hình phục vụ và hoạt động cung ứng dịch vụ, tiện ích của VNeID.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu; doanh nghiệp công nghệ, viễn thông.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

a) Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi lợi dụng không gian mạng để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, phát tán thông tin sai sự thật.

b) Xây dựng các phương án bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của tỉnh; thường xuyên rà soát, đánh giá nguy cơ mất an toàn thông tin; tăng cường tuyên truyền kỹ năng nhận biết các hình thức lừa đảo trên không gian mạng. Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc xử lý các sự cố an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dân theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7. Sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá

Tổ chức khảo sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ tình hình, kết quả thực hiện bằng hình thức phù hợp, bảo đảm thực chất, hiệu quả. Thực hiện sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; điều chỉnh nội dung chưa phù hợp. Chú trọng công tác hướng dẫn, đôn đốc thực hiện; khen thưởng, động viên kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích, đóng góp tích cực.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu và cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên và theo định kỳ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách và các nguồn hợp pháp khác. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tổng hợp, tham mưu, đề xuất kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo theo quy định, tiết kiệm và hiệu quả. Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định về phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

3. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo pháp luật về ngân sách, đầu tư công, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các pháp luật liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan thường trực, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch; phối hợp Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc; tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Công an theo yêu cầu.

b) Hướng dẫn, đào tạo, cung cấp tài liệu cho Tổ công nghệ số cộng đồng để trực tiếp hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích của công dân số; phối hợp các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tổ chức hỗ trợ tại cơ sở.

c) Chủ trì về nội dung chữ ký số công cộng; phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu và cơ quan, đơn vị có liên quan đánh giá phương án kỹ thuật, cấu hình, tích hợp, kiểm thử phương thức sử dụng chữ ký số công cộng trên ứng dụng định danh quốc gia để ký số trên biểu mẫu, tờ khai.

d) Chủ trì các nhiệm vụ về hạ tầng số, kết nối, chia sẻ dữ liệu, phổ cập kỹ năng số thuộc chức năng, nhiệm vụ; phối hợp xử lý khó khăn về kỹ thuật, kết nối và vận hành các nền tảng phục vụ công dân số.

đ) Cập nhật cấu hình Hệ thống thông tin giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo việc thu phí, lệ phí theo quy định tại Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP.

e) Phối hợp các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất danh mục dịch vụ, tiện ích số của địa phương, tiện ích, dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được cấp trên ứng dụng định danh quốc gia trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính có nhu cầu tích hợp, khai thác trên ứng dụng định danh quốc gia theo quy định và hướng dẫn của cơ quan Trung ương.

g) Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh kiểm tra, sơ kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch.

2. Công an tỉnh

a) Chủ trì triển khai các nội dung liên quan Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử, ứng dụng VNeID; bảo đảm phối hợp vận hành thông suốt, hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý.

b) Chỉ đạo Công an cấp xã phối hợp Tổ công nghệ số cộng đồng, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả và các đoàn thể hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2, tích hợp giấy tờ và khai thác tiện ích trên VNeID.

c) Làm đầu mối phối hợp các đơn vị thuộc Bộ Công an xử lý khó khăn, vướng mắc liên quan hệ thống định danh và xác thực điện tử, VNeID; phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp kết quả để UBND tỉnh báo cáo Bộ Công an.

d) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng, chống tội phạm lợi dụng không gian mạng trong quá trình phát triển công dân số.

3. Văn phòng UBND tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương hướng dẫn rà soát, chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính; theo dõi việc công bố, cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính. Cung cấp dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến để áp dụng trực tiếp các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP, bảo đảm bình đẳng, thuận tiện, lấy người dân làm trung tâm và thực hiện công bố theo quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn công dân về các chính sách ưu đãi, quyền lợi và cách thức thực hiện dịch vụ công theo quy định tại Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP.

c) Đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, chủ động rà soát, tái cấu trúc quy trình theo hướng tích hợp phương thức sử dụng chữ ký số công cộng trên ứng dụng định danh quốc gia để ký số trên các biểu mẫu, tờ khai.

4. Sở Tài chính

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Trung ương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn tổ chức, thực hiện chính sách miễn, giảm phí, lệ phí theo quy định của Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP. Tham mưu kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp và phù hợp với khả năng của ngân sách địa phương.

5. Sở Y tế

- Triển khai chiến dịch làm sạch dữ liệu y tế và tạo lập, cập nhật Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID.

- Thực hiện công khai 100% thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến. Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng giảm thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết. Thanh toán không dùng tiền mặt, khám chữa bệnh bằng căn cước công dân hoặc qua VNeID.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 15 và các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp triển khai các tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật đối với dịch vụ thanh toán điện tử trên nền tảng định danh và xác thực điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Phối hợp xác thực thông tin tài khoản ngân hàng với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử theo quy định; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và bảo đảm an toàn giao dịch.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo năng lực số theo các cấp độ (*cơ bản, trung cấp, nâng cao, chuyên sâu*) phù hợp với từng nhóm đối tượng; đồng thời tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy các cấp học, bậc học và chương trình giáo dục chính trị, tư tưởng trong hệ thống chính trị, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và khả thi. Thực hiện kết nối chia sẻ dữ liệu để triển khai tích hợp thông tin văn bằng, chứng chỉ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên ứng dụng định danh quốc gia.

8. Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì định hướng, hướng dẫn các cơ quan báo chí, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường thông tin, tuyên truyền về phát triển công dân số, tập trung vào các quyền, trách nhiệm, tiện ích và kỹ năng cần thiết để người dân tham gia môi trường số an toàn, hiệu quả.

9. Báo và phát thanh, truyền hình An Giang

Phối hợp Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan xây dựng chuyên mục, tin, bài, tài liệu hướng dẫn đơn giản, dễ hiểu; tuyên truyền thường xuyên về quyền, trách nhiệm của công dân số, chính sách khuyến khích, tiện ích VNeID, chữ ký số công cộng, kỹ năng số, văn hóa số và bảo vệ người dân trên môi trường số.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia phát triển công dân số.

- Huy động lực lượng phối hợp Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số, thanh toán điện tử và nâng cao kỹ năng an toàn trên môi trường số.

- Tổ chức các chương trình vận động, hỗ trợ hội viên tiếp cận dịch vụ số, kỹ năng số và bảo vệ phụ nữ, trẻ em trên môi trường mạng. Quan tâm hỗ trợ người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và các nhóm có hạn chế trong tiếp cận công nghệ.

11. Các sở, ban, ngành tỉnh

a) Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động triển khai các chính sách phát triển công dân số; tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực quản lý.

b) Rà soát 100% thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; chủ động tái cấu trúc quy trình theo hướng tích hợp phương thức sử dụng chữ ký số công cộng trên ứng dụng định danh quốc gia để ký số trên biểu mẫu, tờ khai; gửi kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ, đồng gửi Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp.

c) Phối hợp tích hợp tiện ích, dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính; tái sử dụng dữ liệu đã được xác thực, hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại giấy tờ.

d) Chủ động bố trí nhân lực, kinh phí trong phạm vi dự toán được giao; chịu trách nhiệm về tiến độ, tính đầy đủ và chính xác của kết quả thực hiện.

12. Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ số

- Tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với sản phẩm, dịch vụ số do mình cung cấp.

- Phối hợp kết nối, tích hợp nền tảng, dịch vụ số với ứng dụng định danh quốc gia và hệ thống của tỉnh theo nhu cầu, thẩm quyền và quy định.

- Bảo đảm hệ thống, sản phẩm, dịch vụ số cung cấp ổn định, an toàn, hiệu quả; bố trí đầu mối hỗ trợ kỹ thuật.

13. UBND xã, phường, đặc khu

a) Ban hành Kế hoạch hành động, bố trí nguồn lực địa phương và chỉ đạo Tổ công nghệ số cộng đồng trực tiếp hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích công dân số; đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, chủ động phối hợp rà soát, tái cấu trúc quy trình theo hướng tích hợp phương thức sử dụng chữ ký số công cộng trên ứng dụng định danh quốc gia để ký số trên các biểu mẫu, tờ khai; gửi kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ, đồng gửi Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp và báo cáo Bộ Công an, báo cáo Chính phủ.

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức trên địa bàn về dịch vụ, tiện ích số trên VNeID; phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ cơ sở và Tổ công nghệ số cộng đồng, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở bám sát địa bàn, thực hiện theo phương pháp “đi từng ngõ, gõ từng nhà” để tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp cho người dân, nhất là người cao tuổi, người hạn chế về kỹ năng số, biết cách kích hoạt tài khoản định danh điện tử, sử dụng ứng dụng VNeID, giải đáp vướng mắc cho người dân trong việc sử dụng ứng dụng VNeID để đăng ký giải quyết các thủ tục hành chính.

c) Chủ động rà soát các dịch vụ công, dịch vụ xã hội, tiện ích thuộc phạm vi quản lý để tích hợp lên ứng dụng VNeID; ưu tiên các lĩnh vực y tế, giáo dục, an sinh xã hội, giao thông, du lịch, thanh toán điện tử và các dịch vụ thiết yếu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng quý; chủ động tự kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc phát sinh để xử lý, không để ảnh hưởng đến tiến độ chung của tỉnh.

14. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng trên địa bàn tỉnh

a) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan nâng cấp hạ tầng viễn thông, hạ tầng số; mở rộng vùng phủ sóng, bảo đảm chất lượng dịch vụ, nhất là khu vực biên giới, hải đảo và địa bàn còn khó khăn.

b) Phối hợp triển khai chương trình phổ cập kỹ năng số; hướng dẫn người dân sử dụng thiết bị thông minh, VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, chữ ký số và nền tảng số thiết yếu; hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

c) Phối hợp cung cấp, hướng dẫn khởi tạo và sử dụng chữ ký số công cộng; bố trí đầu mối hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình tích hợp, kiểm thử và sử dụng; bảo đảm dịch vụ ổn định, an toàn, tuân thủ quy định.

d) Khuyến khích có chính sách hỗ trợ phù hợp để người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ số trên cơ sở tự nguyện, công khai, minh bạch và đúng quy định pháp luật.

15. Chế độ thông tin, báo cáo

Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND xã, phường, đặc khu và cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ hằng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp; riêng nội dung rà soát, tái cấu trúc thủ tục hành chính đồng gửi Văn phòng UBND tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Công an và cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả, tiến độ và chế độ thông tin, báo cáo. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết. *lql*

Nơi nhận: *cu*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Báo và phát thanh, truyền hình An Giang;
- VNPT, VIETTEL, FPT, Mobifone An Giang;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, ntgiang



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong